

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC CỘNG ĐỒNG TRONG PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA TẠI TP. SƠN LA

LÒ THỊ THỦY*

Ngày nhận bài: 20/08/2017; ngày sửa chữa: 25/08/2017; ngày duyệt đăng: .../09/2017.

Abstract: The paper analyses situation of resources mobilization for the development of standardized secondary schools in Son La City (Son La province) in terms of schools network, material facilities and perception of mobilizing community resource. This analysis can be seen as the basis for recommendations to improve ability of resources mobilization for development of standardized schools in some disadvantaged areas.

Keywords: Community resources, secondary school, teachers, students.

Phát triển GD-ĐT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, góp phần rất quan trọng vào sự phát triển KT-XH của đất nước. Trong điều kiện kinh tế của đất nước còn nhiều khó khăn, Sơn La đã triển khai thực hiện huy động nguồn lực cộng đồng tham gia xã hội hóa (XHH) giáo dục ở các trường học trên địa bàn thành phố, nhất là cấp trung học cơ sở (THCS) đã đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, công tác XHH ở một số trường, nhất là trường thuộc xã chưa thật sự hiệu quả, chưa huy động được nhiều nguồn lực tham gia phát triển sự nghiệp GD-ĐT. Trên địa bàn thành phố vẫn còn trường THCS phải học chung và ghép với trường tiểu học, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả các hoạt động của nhà trường, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập; đồng thời ảnh hưởng đến kế hoạch, hiệu quả việc xây dựng và phát triển các trường học đạt chuẩn quốc gia của TP. Sơn La và của tỉnh Sơn La.

Bức tranh thực trạng huy động nguồn lực trong phát triển các trường THCS đạt chuẩn tại TP. Sơn La sẽ là tư liệu cho các đề xuất nhằm nâng cao khả năng huy động nguồn lực trong phát triển hệ thống các trường chuẩn tại một số địa bàn khó khăn.

1. Khái quát về GD-ĐT của TP. Sơn La

Thành ủy, HĐND, UBND TP. Sơn La, đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ngành GD-ĐT thành phố thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; các văn bản chỉ đạo của ngành về công tác GD-ĐT; quán triệt, triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 20/01/2014 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Tiếp tục triển khai Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ; TP. Sơn La, có 52 đơn vị trường học. Trong đó, trường đạt chuẩn Quốc gia 34 trường, đạt tỉ lệ 65,38%; (10/22 trường mầm non; 13/16 trường tiểu học; 11/14 trường THCS. Có 04 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ

2: Mầm non Ngọc Linh, Mầm non Tô Hiệu, Mầm non Ban Mai, Tiểu học Chiềng Lê).

Mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc TP. Sơn La, cụ thể: - *Bậc học Mầm non*: 22 trường mầm non và 02 nhóm trẻ tự thực độc lập gồm: 292 nhóm, lớp, với 8.578 trẻ. Trong đó: 17 trường công lập; 05 trường ngoài công lập có 56 lớp với 1.502 trẻ; - *Cấp Tiểu học*: 16 trường, 330 lớp, 8.818 học sinh (HS). Trong đó: 15 trường công lập có 310 lớp với 8.068 HS; 01 trường ngoài công lập có 20 lớp với 750 HS; - *Cấp THCS*: 14 trường có 197 lớp, 5.434 HS (tăng 01 lớp và 346 HS so với năm học trước).

Chất lượng đội ngũ nhà giáo đảm bảo, đáp ứng yêu cầu phát triển GD-ĐT của thành phố: 100% giáo viên (GV) đạt trình độ chuẩn của bậc học trở lên. Trong đó: GV đạt trên chuẩn ở nhà trẻ đạt 26,7%; mẫu giáo đạt 75,3%; cấp tiểu học đạt 93,8%; cấp THCS đạt 82,4%.

2. Thực trạng các trường THCS

2.1. Mạng lưới trường, lớp và việc tổ chức quản lí.

Hệ thống mạng lưới các trường THCS thuộc TP. Sơn La, trong những năm gần đây, cơ bản đã được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư, nâng cấp và mở rộng về mạng lưới trường học và các lớp học. Mạng lưới trường lớp tương đối phù hợp, cơ bản đáp ứng được yêu cầu cần thiết, thuận lợi cho con em đến trường học tập. Các trường THCS hoạt động theo đúng Điều lệ của cấp học do Bộ GD-ĐT ban hành, trên địa bàn thành phố hiện nay có 14 trường, trong đó có 11 trường THCS đạt chuẩn Quốc gia (THCS: Nguyễn Trãi, Quyết Thắng, Lê Quý Đôn, Chiềng An; Chiềng Sinh; Chiềng Cọ; Chiềng Xôm; Chiềng Ngán; Chiềng Đen; Hua La, Tô Hiệu); 02/14 trường đã được kiên cố hoá; 01/14 trường đang tổ chức học ghép cùng với trường Tiểu học, hiện nay đang chờ xây dựng mới (THCS Lê Lợi chung cơ sở vật chất (CSVC) với Tiểu học Lê Văn Tám, thuộc xã Chiềng Ngán). Trong đó: - Các trường thuộc phường: 08 trường, có 06 trường đạt chuẩn quốc gia; tổng số lớp học là 125 lớp, trong đó kiên cố là 117,

* Thành ủy TP. Sơn La

bán kiên cố là 08 lớp. Tổng số GV là 284, trong đó GV đạt trên chuẩn là 236, đạt 83,09%, đạt chuẩn là 48, đạt 16,9%; - Các trường thuộc xã là 06 trường, trong đó đạt chuẩn là 5 trường; có 68 lớp học, trong đó kiên cố là 55, bán kiên cố là 13. Tổng số GV 159, trong đó đạt trên chuẩn là 118, đạt 74,2%, đạt chuẩn là 41, đạt 25,78%.

Tuy nhiên, hiện nay có 01 trường (*Trường THCS Lê Lợi, thuộc xã Chiềng Ngần, vẫn còn chung CSVC với trường tiểu học*); chính vì vậy trong quá trình giảng dạy, học tập và tổ chức các hoạt động của nhà trường còn gặp rất nhiều khó khăn; phần nào ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của nhà trường.

2.2. Cán bộ quản lý (CBQL), GV và nhân viên. Tổng số CBQL, GV, nhân viên các trường THCS TP. Sơn La hiện nay là 547 người, trong đó đạt chuẩn là 100%. Thành ủy, HĐND, UBND thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo chi bộ, phòng GD-ĐT thành phố quan tâm, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn và phòng GD-ĐT thành phố cùng với các nhà trường, thường xuyên nắm tình hình, tiến hành rà soát, sắp xếp, phân công GV hợp lý, có các biện pháp khắc phục tình trạng thiếu GV để hoàn thành chương trình; xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch điều chuyển CBQL và GV giữa các trường trong thành phố, tạo sự công bằng trong giáo dục, đồng thời rút ngắn khoảng cách chất lượng giữa các vùng trong thành phố. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp để kiện toàn đội ngũ GV và CBQL đạt chuẩn và trên chuẩn.

Ngành GD-ĐT thành phố phối hợp với Trường Đại học Tây Bắc (có quy chế phối hợp), Trường Cao đẳng Sơn La và Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn cho đội ngũ CBQL và GV (*đặc biệt đối với đội ngũ chưa đạt trên chuẩn*). Đến thời điểm tháng 6/2017 khối THCS có 547/547 cán bộ, GV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

Có kế hoạch chỉ đạo để từng bước khắc phục những hạn chế về nội dung và phương pháp giảng dạy, đặc biệt là đổi mới chương trình giáo dục trung học mới, tích cực tổ chức triển khai các chuyên đề, các cuộc thi GV dạy giỏi. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra toàn diện và thanh tra chuyên môn, tạo môi trường chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục trong toàn thành phố.

Tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, thanh tra, ngoại ngữ, tin học cho CBQL và GV (*trước mắt là đối với đội ngũ CBQL*). Thực hiện tốt việc bồi dưỡng cho GV dạy chương trình đổi mới ở trung học và công tác bồi dưỡng thường xuyên hàng năm. Các trường làm tốt công tác tham mưu cho Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục xã, phường và các ban ngành có liên quan, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn.

2.3. Cơ sở vật chất và thiết bị. Hệ thống các trường THCS hoạt động theo đúng Điều lệ của cấp học do Bộ GD-ĐT ban hành, gồm 14 trường, trong đó có 11 trường THCS đạt chuẩn Quốc gia (*THCS: Nguyễn Trãi, Quyết Thắng, Lê Quý Đôn, Chiềng An, Chiềng Sinh, Chiềng*

Cọ, Chiềng Xôm, Chiềng Ngần, Chiềng Đen, Hua La, Tô Hiệu); 13/14 trường đã được kiên cố hoá; 01/14 trường đang chờ xây dựng mới (*THCS Lê Lợi chung CSVC với Tiểu học Lê Văn Tám*). Mạng lưới trường lớp tương đối hợp lý, thuận lợi cho con em đến trường học tập.

2.4. Công tác XHH giáo dục. Ban Giám hiệu các trường đã phối hợp với các đoàn thể, chính quyền địa phương tập trung vào việc huy động toàn xã hội tham gia vào các hoạt động giáo dục, hoàn thành các mục tiêu giáo dục đề ra. Trong những năm qua nguồn vốn huy động từ nhân dân đóng góp đã tập trung vào việc xây dựng CSVC, mua sắm trang thiết bị dạy học trong nhiều nhà trường. Hoạt động của Hội đồng giáo dục các xã, phường đã đạt được hiệu quả tốt, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của thành phố. Các xã, phường, bản, tiểu khu, khu phố đã có Hội khuyến học và hoạt động hiệu quả.

Công tác giáo dục được đồng đạo các tầng lớp nhân dân quan tâm, ở đa số các xã, phường hội phụ huynh HS đã hoạt động rất có hiệu quả, góp phần cùng với nhà trường giáo dục HS, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhiều mặt cho con em mình đến trường học tập. Năm học 2016-2017, mạng lưới trường lớp trong thành phố đã phát triển rộng khắp, tỉ lệ HS trong độ tuổi đến trường cao hơn rất nhiều so với các năm học trước, tạo cơ sở quan trọng cho việc hoàn thành công tác duy trì phổ cập giáo dục.

2.5. Chất lượng giáo dục. 100% trường THCS trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục phát huy tính tích cực ở HS, lấy HS làm trung tâm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục. Việc nâng cao số lượng, chất lượng giáo dục HS được thực hiện thường xuyên có hiệu quả. Trẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đều được huy động ra lớp để giáo dục, duy trì sĩ số HS đi học chuyên cần để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ dân tộc thiểu số.

Về đội ngũ: 100% cán bộ, GV có phẩm chất tốt có năng lực sư phạm, đảm bảo thực hiện các hoạt động giáo dục HS tại trường. Có 80,4% CBQL, GV đạt trình độ trên chuẩn. 100% cán bộ GV có kĩ năng nghề nghiệp biết vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục HS.

Về việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ được triển khai thường xuyên và có hiệu quả. Hàng năm, phòng GD-ĐT tổ chức cho GV đăng kí học nâng cao trình độ từ đại học lên sau đại học, 100% bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn và lí luận chính trị trong hệ, bồi dưỡng chuyên đề các cấp, bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 26 theo các module kiến thức GV tự học tự bồi dưỡng. Việc triển khai đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV THCS được thực hiện thường xuyên ở các đơn vị trường, hàng năm đánh giá chuẩn nghề nghiệp theo đúng văn bản chỉ đạo.

3. Thực trạng hệ thống giáo dục THCS

Về công tác huy động nguồn kinh phí để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho dạy và học hàng năm được thường xuyên được quan tâm thực hiện, phong trào này được duy

trì và phát huy, từng bước đem lại hiệu quả với phương châm là Nhà nước, nhân dân và xã hội cùng làm như: Về đầu tư CSVC, thực hiện có hiệu quả nguồn vốn kiên cố hóa trường học và lồng ghép các nguồn vốn khác để xây mới, xóa phòng học tạm. Đến nay, tỉ lệ phòng học kiên cố tăng, số phòng học tạm đã giảm. Cụ thể: Đến nay, toàn thành phố có 224 phòng học. Trong đó, kiên cố đạt tỉ lệ 98,3%; 02 phòng học tạm, xuống cấp; không còn phòng học nhờ, học mượn. Về đầu tư trang thiết bị Phòng GD-ĐT đã xây dựng các văn bản chỉ đạo việc quản lí mua sắm, sử dụng thiết bị dạy học, đồ dùng trong các trường. Chỉ đạo, khuyến khích các cơ sở giáo dục tổ chức tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học, bổ sung, cải tiến, sửa chữa đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Thực trạng nhận thức

4.1. Nhận thức về tầm quan trọng huy động cộng đồng tham gia phát triển các trường THCS. Trong những năm gần đây, việc huy động nguồn lực cộng đồng trong phát triển các trường học nói chung và các trường THCS nói riêng đã từng bước được các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và xã hội quan tâm, song thực trạng về CSVC, trang thiết bị và các vấn đề khác liên quan đến việc phát triển các trường THCS để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đặc biệt là đáp ứng các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia, việc huy động nguồn lực cộng đồng còn chưa được quan tâm đúng mức, gặp nhiều khó khăn, chưa có giải pháp đồng bộ để thu hút đầu tư và vận động cộng đồng xã hội tham gia, đóng góp cho việc phát triển các trường THCS đạt chuẩn Quốc gia. Chủ trương huy động các nguồn lực cho sự nghiệp giáo dục THCS, thực hiện toàn dân tham gia quản lí sự nghiệp giáo dục của Đảng và Nhà nước là hết sức đúng đắn. Đó là cơ hội để cho con em các dân tộc được chăm sóc nuôi dưỡng một cách dân chủ, bình đẳng. Đồng thời, phần lớn lực lượng xã hội (LLXH) cũng đã nhận thức sâu sắc về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với sự nghiệp phát triển giáo dục THCS.

Hiện nay, vẫn còn 03 trường THCS trên địa bàn TP. Sơn La, gặp nhiều khó khăn, chưa đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn Quốc gia, trong đó 01 trường phải học ghép với trường Tiểu học (Chiềng Ngần), đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần phải sớm được quan tâm của các cấp, các ngành và cộng đồng trong việc tham gia phát triển các trường THCS đạt chuẩn quốc gia, tại TP. Sơn La, tỉnh Sơn La.

Phần lớn các khách thể được điều tra, đều nhận thức ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác huy động các nguồn lực cho sự nghiệp giáo dục: trong đó 100% CBQL; 96,3% GV; 90,61% các LLXH và phụ huynh HS đều đánh giá với vị trí quan trọng và cần thiết. Chỉ có 3,7% GV, 9,39% LLXH và phụ huynh HS còn băn khoăn chưa có ý kiến rõ ràng, một số ít còn trông chờ vào nguồn lực đầu tư của nhà nước.

4.2. Nhận thức về nội dung huy động nguồn lực cộng đồng trong phát triển các trường THCS. Việc phối

hợp lực lượng giữa nhà trường - gia đình và xã hội để đạt chất lượng và thực sự là công việc, là phong trào mang tính tự giác, tích cực của các thành viên trong xã hội thì cần phải chú trọng vai trò của tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho lực lượng phụ huynh hiểu đầy đủ vị trí, ý nghĩa và vai trò của việc phát triển các trường THCS, hiểu về bản chất, nội dung của huy động nguồn lực cộng đồng trong phát triển các trường THCS. Đây là lực lượng hỗ trợ đắc lực cho nhà trường trong công tác chăm sóc - giáo dục HS.

Mục tiêu của kế hoạch là làm chuyển biến nhận thức của phụ huynh, của xã hội về vai trò, vị trí giáo dục THCS trong sự nghiệp phát triển GD-ĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội. Hình thức triển khai kế hoạch với nội dung chủ yếu đi vào việc tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức, phương pháp linh hoạt, phong phú, phổ biến các chủ trương, chính sách, nghị quyết về giáo dục THCS, củng cố những nhận thức, bồi dưỡng kiến thức, cập nhật thông tin, nắm bắt những hiểu biết mới cần thiết về giáo dục THCS phù hợp với yêu cầu mới của sự nghiệp phát triển KT-XH của nước ta trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế trong thời kì mới. Tuyên truyền những khó khăn, nhất là những khó khăn chung của đất nước, của tỉnh và thành phố, thực trạng của hệ thống, mạng lưới trường lớp trên địa bàn TP. Sơn La, nhất là các trường THCS tại TP. Sơn La. Kết quả nhận thức, tiếp thu được những nội dung nêu trên sẽ mang đến những hiểu biết về thực trạng, về khó khăn, nhất là hiểu biết về vai trò, ý nghĩa và mục tiêu của GD-ĐT, những chia sẻ, đồng cảm và trách nhiệm đến các thành viên trong từng gia đình, từng tổ chức, cá nhân, cộng đồng, dân cư... giúp định hướng đúng đắn, sẵn sàng hành động, xác định rõ trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và các tổ chức với GD-ĐT, tham gia một cách tự giác, tích cực vào việc xây dựng nhà trường nói riêng, trách nhiệm đối với GD-ĐT nói chung.

Giới thiệu và nhân rộng những gương người tốt, việc tốt, những thành tích của cấp THCS. Các tổ chức đoàn thể như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên..., doanh nghiệp cùng tham gia làm công tác giáo dục. Hội khuyến học có kế hoạch chăm lo quan tâm, động viên khen thưởng GV vượt khó hoàn thành tốt nhiệm vụ, khen thưởng HS có thành tích kết quả học tập, các hội thi của trường, thành phố, tỉnh tổ chức.

Bằng các hình thức phương tiện tuyên truyền đa dạng, phong phú như: hệ thống biểu bảng trong và ngoài lớp học, dịp khai giảng, tổng kết năm học, hội thi, tổ chức các chuyên đề về chăm sóc - giáo dục trẻ... Mở rộng các đợt tuyên truyền sâu rộng tới phụ huynh trẻ, nâng cao nhận thức của cộng đồng, xã hội về vị trí, vai trò thực sự của GD-ĐT nói chung và giáo dục THCS nói riêng, phải thực sự coi GD-ĐT là quốc sách hàng đầu, coi đầu tư cho GD-ĐT là đầu tư cho phát triển tương lai là trách nhiệm của cả gia đình, nhà trường và của cả xã hội.

Lợi ích thiết thực đối với từng gia đình, dòng họ, lợi ích lâu dài đối với tương lai đất nước của việc *huy động các nguồn lực* cho sự nghiệp giáo dục THCS đã từng bước được các bậc phụ huynh HS, các tổ chức chính trị - xã

hội, các tổ chức đoàn thể, quần chúng và các tổ chức cá nhân trong xã hội nhận thức ngày càng đầy đủ hơn. Sự gặp gỡ có tính chung trong suy nghĩ, tư tưởng, tình cảm của các lực lượng trong xã hội là ở chỗ: phát triển các trường THCS là tạo điều kiện cho thế hệ trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong môi trường lành mạnh để phát triển thể chất, trí tuệ, tình cảm và thẩm mỹ, giáo dục nhân cách, đạo đức... Song còn một bộ phận cán bộ, LLXH, phụ huynh HS còn có sự so sánh, suy bì thiệt hơn giữa nghĩa vụ, trách nhiệm với lợi ích gia đình và xã hội; thậm chí còn cho rằng việc xây dựng trường lớp, CSVC, trang thiết bị giảng dạy và học tập... là nhiệm vụ của ngành GD-ĐT, là nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước.

4.3. Nhận thức về đối tượng thực hiện huy động nguồn lực cộng đồng trong phát triển các trường THCS tại TP. Sơn La, tỉnh Sơn La

Kết quả khảo sát cho thấy về nhận thức, hiểu biết sự tham gia và mức độ tham gia của các LLXH vào hoạt động xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình, các hoạt động giáo dục ở trường THCS, nhiều người đã hiểu và xác định được vai trò và tầm quan trọng của các LLXH vào việc tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình, các hoạt động giáo dục ở trường THCS là có ý nghĩa rất cần thiết (76,74%), rất quan trọng (78,12%), mang tính lâu dài (58,49%). Tuy nhiên, còn không ít ý kiến cho đó là không cần thiết (22,26%), không quan trọng (21,89%) và không có ý kiến (20,38%) do chưa hiểu hết vai trò và tầm quan trọng của việc tham gia vào các hoạt động XHH công tác giáo dục và quản lý XHH công tác giáo dục THCS góp phần vào phát triển giáo dục. Mức độ huy động, tổ chức các LLXH tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung giáo dục ở các trường THCS trên địa bàn TP. Sơn La: còn 8,30% ý kiến cho rằng, các trường chưa xây dựng tốt cơ chế huy động LLXH tham gia vào tổ chức thực hiện hoạt động, 13,58% chưa thực hiện tốt việc sáng tạo các phong trào, các sân chơi trong nhà trường để huy động sự tham gia đóng góp của các LLXH; 7,17% chưa thực hiện tốt việc phát huy tính năng cốt của Ban Giám hiệu nhà trường trong công tác huy động, tổ chức các LLXH tham gia, 13,58% ý kiến cho rằng việc phối hợp chưa tốt giữa ba môi trường là nhà trường - gia đình và xã hội; 36,60% cho rằng việc tham gia của LLXH cùng nhà trường chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục là chưa tốt. Trong việc huy động, tổ chức các LLXH tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung giáo dục ở các trường THCS, còn không ít nơi chưa làm tốt việc huy động các LLXH tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình giáo dục, chưa phát huy hết tiềm năng của từng lực lượng. Những nội dung hoạt động của nhà trường còn thiếu sự tham gia của các LLXH... Nên còn cản trở LLXH tham gia xây dựng và phát triển đối với GD-ĐT.

4.4. Nhận thức về mục tiêu và yêu cầu chính của huy động nguồn lực cộng đồng trong phát triển các trường THCS tại TP. Sơn La, tỉnh Sơn La

Thực hiện sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa

phương, sự chủ động của ngành GD-ĐT, sự phối kết hợp chặt chẽ và đồng bộ của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội... đã tạo mọi điều kiện, tạo tiền đề và đã góp phần nâng cao nhận thức phụ huynh HS và các LLXH về mục tiêu XHH giáo dục nói chung, mục tiêu XHH sự nghiệp giáo dục THCS nói riêng. Qua điều tra xã hội học, việc nhận thức của các đối tượng được điều tra về mục tiêu của XHH sự nghiệp giáo dục THCS, được đánh giá mức độ nhận thức tương đối cao. Tuy nhiên, còn có một bộ phận của CBQL, GV, LLXH nhận thức chưa thực sự đầy đủ, đôi khi còn lệch lạc, chưa nắm chắc bản chất của công tác XHH và mục đích, ý nghĩa của XHH, sự nghiệp giáo dục THCS; một số ít còn cho rằng việc đầu tư CSVC, trang thiết bị và một số lĩnh vực khác liên quan là nhiệm vụ của Đảng và nhà nước.

4.5. Nhận thức về vai trò của các nguồn lực cộng đồng tham gia phát triển các trường THCS tại TP. Sơn La, tỉnh Sơn La

XHH công tác giáo dục là xây dựng cơ chế phối hợp, các lực lượng trong toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước cùng chăm lo cho sự nghiệp phát triển GD-ĐT. Sự phối hợp không chỉ tạo ra CSVC, nội dung, phương pháp và cả mục đích giáo dục cũng như phối hợp tạo nên môi trường giáo dục thống nhất. Qua việc tìm hiểu, nghiên cứu về mức độ tham gia của các LLXH vào hoạt động xây dựng môi trường giáo dục, theo các mẫu phiếu điều tra. Các LLXH tham gia vào hoạt động XHH chương trình giáo dục và quản lý XHH chương trình giáo dục khá tích cực. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trách nhiệm quản lý của Nhà nước đã thể hiện khá rõ trong việc đề ra các nghị quyết, kế hoạch, đề án,... thực hiện XHH công tác giáo dục. Tuy nhiên vẫn còn một số tổ chức tham gia vào hoạt động XHH công tác giáo dục xây dựng môi trường giáo dục ở địa phương chưa được tích cực, chỉ mang tính phong trào, hiệu quả đóng góp chưa cao, chưa rõ nét như: Mạnh thường quân chiếm tỉ lệ 23%, Hội đồng nhân dân chiếm tỉ lệ 21%, Ban đại diện phụ huynh HS, GV và cơ quan đơn vị khác chiếm tỉ lệ 16%. Nên việc huy động LLXH tham gia vào xây dựng môi trường giáo dục, để góp phần phát triển giáo dục thành phố chưa đạt kết quả cao.

5. Đánh giá chung

Được sự ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự giúp đỡ, tạo điều kiện của các cấp, các ngành, các tổ chức cá nhân trong quá trình nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập, cũng như mở rộng, nâng cấp mạng lưới trường lớp học. Tuyên truyền sâu rộng trong LLXH bằng nhiều hình thức như trên các phương tiện thông tin, hội nghị, hội thảo,... Đa dạng hóa các hình thức huy động sự tham gia của LLXH vào giáo dục.

Ngành GD-ĐT cần chủ động tham mưu, đề xuất, phát huy nội lực và tính chủ động; khắc phục khó khăn để phấn đấu, vươn lên về chất lượng và hiệu quả trong GD-ĐT; phát huy vai trò chủ đạo của ngành giáo dục trong việc tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt

(Xem tiếp trang 61)

Chính vì vậy, việc biên soạn các tài liệu hướng dẫn cho SV VN cách học đọc hiểu tiếng Nhật, cung cấp hệ thống lí luận của đọc hiểu và các nghiên cứu liên quan đến đọc hiểu tiếng Nhật sẽ giúp ích rất nhiều cho SV trong quá trình học tập và vận dụng kiến thức đã học trong công việc sau khi tốt nghiệp.

Biện pháp 4: Công khai các chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Nhật. Hiện nay tại VN, để đánh giá năng lực tiếng Nhật nói chung và năng lực đọc hiểu tiếng Nhật nói riêng người ta thường áp dụng Khung năng lực JF Standard hoặc lấy mức tương đương với Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tuy nhiên, nếu không đào tạo SV theo nội dung nhằm phát triển năng lực, mà áp dụng cách đánh giá năng lực như trên thì không phù hợp. Chính vì vậy, đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cần có hệ thống đánh giá cả quá trình dạy học kết hợp đánh giá đầu vào và đánh giá đầu ra của SV.

Biện pháp 5: Xây dựng môi trường học tập đọc hiểu tiếng Nhật tạo hứng thú cho SV. Hoạt động đọc hiểu vốn là hoạt động tiếp nhận kiến thức nên việc thiết kế giờ học đọc hiểu trên lớp đòi hỏi sự tích hợp của nhiều kĩ năng khác nhau. GV nên trang bị cho SV kiến thức về cách thức làm việc theo nhóm trong quá trình đọc hiểu văn bản. Trên cơ sở đó khuyến khích SV tự đề xuất ý tưởng và đưa ra các biện luận để giải quyết các vấn đề liên quan đến văn bản đọc hiểu.

3. Kết luận

Phân tích một số xu hướng nghiên cứu dạy học đọc hiểu tiếng Nhật qua các giai đoạn để thấy được sự thay đổi trong các quan điểm nghiên cứu từ việc tập trung nghiên cứu thông qua các ví dụ thực tiễn mang tính kinh nghiệm sang nghiên cứu dạy học đọc hiểu dựa trên điều tra và dạy thử nghiệm. Nói cách khác, nghiên cứu trước đây thường tập trung vào vấn đề sử dụng yếu tố đầu vào như thế nào để đầu ra đạt kết quả tốt; thì các nghiên cứu hiện tại lại quan tâm nhiều quá trình đọc hiểu. Điều này cho thấy việc rèn luyện và phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật cho SV trong giai đoạn hiện nay là cần thiết. Dựa trên cơ sở này, bài viết đề xuất một số biện pháp dạy học nhằm phát triển năng lực đọc hiểu tiếng Nhật, đó là: Thực hiện dạy học hợp tác tích cực; Xây dựng hệ thống bài đọc hiểu tiếng Nhật phù hợp với trình độ của SV; Biên soạn tài liệu hướng dẫn học đọc hiểu tiếng Nhật dành cho đối tượng SV VN học tiếng Nhật; Công khai các chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu tiếng Nhật; Xây dựng môi trường học tập đọc hiểu tiếng Nhật tạo hứng thú cho SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Hà Phương (2013). *ピア・リーディング効果の検討ーベトナム人学習者の中級への移行段階における読解授業の改善を目指してー*. 第二回国際シンポジウムベトナムにおける日本語教育・日本研究ー過去・現在・未来. ハノイ大学, 124-129.
- [2] Nguyễn Thị Hạnh (2014). *Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 56, trang 88-97.

- [3] Tateoka Yoko (2005). *ひとりで読むことからピア・リーディングへー日本語学習者の読解過程と対話的協働学習*. 東海大学出版会.
- [4] Ode Atsushi (2015). *アカデミック・スキルズ クリティカル・リーディング入門 人文系のための読書レッスン*. 慶應義塾大学教養研究センター (監修). 慶應義塾大学出版会.
- [5] Bernd Meier & Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Goodman, K. (1971). Psycholinguistic universals in the reading process. In P.Pimsleur and T. Quinn (Ed.). *Psychology of Second Language Learning*. Cambridge: CUP.
- [7] Nguyễn Đức Minh (chủ biên, 2015). *Hướng dẫn đánh giá năng lực của học sinh cuối cấp tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8] Umemura Osamu (2003). *日本語教育における読解指導 - Extensive Reading の試み*. 留学生教育学会編委員会. ISSN1345 - 2398, 173-182.
- [9] Weinert, Franz E. (2001) Competencies and Key Competencies: *Educational Perspective*. In: Smelser, Neil J./Baltes, Paul B. (Eds.): *International Encyclopedia of the Social and Behavioral Sciences*. Vol. 4. Amsterdam u. a.: Elsevier, S. 2433-2436.

Thực trạng huy động nguồn lực...

(Tiếp theo trang bìa 3)

động. Chú trọng chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy và học tập; từng bước quan tâm và nâng cao kĩ năng sống cho HS; quan tâm giáo dục toàn diện cho HS nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát, theo dõi việc quản lí và sử dụng CSVC và các trang thiết bị, các nguồn vận động đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả cao, đúng quy định nhà nước. Tuyên dương, khen thưởng kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong thực hiện XHH công tác giáo dục và quản lí XHH công tác giáo dục, đồng thời nhân rộng mô hình có hiệu quả. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Báo cáo tổng kết năm học 2013-2014, 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017 của Ủy ban nhân dân TP. Sơn La.*
- [2] UBND tỉnh Sơn La (2008). *Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 10/3/2008 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La giai đoạn 2008-2020.*
- [3] Chính phủ (2011). *Chiến lược phát triển Giáo dục Việt Nam, giai đoạn 2011-2020*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Công Giáp (2001). *Khảo sát thực trạng xã hội hóa giáo dục ở nước ta trong thời gian qua*. Đề tài nghiên cứu của Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục.
- [5] Phạm Minh Hạc (1997). *Xã hội hoá công tác giáo dục*. NXB Giáo dục.